

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SỐ 12/2006/QĐ-BTNMT NGÀY 08 THÁNG 9 NĂM 2006 VỀ VIỆC BAN HÀNH DANH MỤC PHẾ LIỆU ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN PHẨM

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ môi trường và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

Điều 2. Việc nhập khẩu phế liệu phải thực hiện theo các quy định tại Điều 42 và Điều 43 của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 03/2004/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 4 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy định về bảo vệ môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ TRƯỞNG
(đã ký)
Mai Ái Trục

DANH MỤC PHÉ LIỆU ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2006 /QĐ-BTNMT
ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

| Số TT | Mã HS | | | Tên phế liệu theo Biểu thuế XNK | Mô tả phế liệu |
|-------|-------|----|----|----------------------------------|---|
| 1 | 7204 | | | Phế liệu, mảnh vụn sắt hoặc thép | <p>a. Đoạn thanh, đoạn ống, đầu mẫu, đầu tấm, đầu cắt, phoi, sợi, mảnh vụn bằng sắt hoặc thép được loại ra từ quá trình sản xuất;</p> <p>b. Thép đường ray, thép tà vẹt, thép tấm, thép lá, thép tròn, thép hình, thép ống, thỏi đúc, lưới thép đã qua sử dụng;</p> <p>c. Vật liệu bằng sắt, gang hoặc thép được lựa chọn, thu hồi từ công trình xây dựng, phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị và các sản phẩm khác sau khi đã cắt phá, tháo dỡ tại nước hoặc lãnh thổ xuất khẩu;</p> <p>d. Thân, vỏ tàu biển (kể cả sà lan) đã qua sử dụng sau khi đã được tháo gỡ, loại bỏ dầu, mỡ, cao su, amiăng và các thành phần phi kim loại khác tại nước hoặc lãnh thổ xuất khẩu;</p> <p>đ. Phế liệu có thể ở dạng rời hoặc được ép thành khối hay đóng bánh.</p> |
| 2 | 7404 | 00 | 00 | Đồng phế liệu và mảnh vụn | <p>a. Đoạn thanh, đoạn ống, đầu mẫu, đầu tấm, đầu cắt, phoi, sợi, mảnh vụn bằng đồng, hợp kim đồng, niken, hợp kim niken, nhôm, hợp kim nhôm, kẽm, hợp kim kẽm được loại ra từ quá trình sản xuất;</p> <p>b. Vật liệu tận dụng, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng, hợp kim đồng, niken, hợp kim niken, nhôm, hợp kim nhôm, kẽm, hợp kim kẽm được lựa chọn, thu hồi từ công trình xây dựng, phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị và các sản phẩm khác sau khi cắt phá, tháo dỡ tại nước hoặc lãnh thổ xuất khẩu; - Lõi dây điện, lõi cáp điện bằng đồng hoặc nhôm, đã loại bỏ vỏ bọc cách điện bằng nhựa, cao su hoặc bằng các loại vật liệu cách điện khác; - Dây điện từ (dây đồng có lớp bọc cách điện bằng sơn men, sợi bông hoặc giấy). |
| 3 | 7503 | 00 | 00 | Niken phế liệu và mảnh vụn | |
| 4 | 7602 | 00 | 00 | Nhôm phế liệu và mảnh vụn | |
| 5 | 7902 | 00 | 00 | Kẽm phế liệu và mảnh vụn | |

| | | | | | |
|----|----------|----|----|---|---|
| | | | | | c. Phế liệu có thể ở dạng rời hoặc được ép thành khối hay đóng bánh. |
| 6 | 780 2 | 00 | 00 | Chì phế liệu và mảnh vụn | Đoạn thanh, đoạn ống, đầu mẫu, đầu tấm, đầu cắt, sợi, mảnh vụn bằng các kim loại tương ứng ở cột bên, được loại ra từ quá trình sản xuất, chưa qua sử dụng. |
| 7 | 800 2 | 00 | 00 | Thiếc phế liệu và mảnh vụn | |
| 8 | 810 1 | 97 | 00 | Vonfram phế liệu và mảnh vụn | |
| 9 | 810 2 | 97 | 00 | Molypden phế liệu và mảnh vụn | |
| 10 | 810 4 | 20 | 00 | Magie phế liệu và mảnh vụn | |
| 11 | 810 8 | 30 | 00 | Titan phế liệu và mảnh vụn | |
| 12 | 810 9 | 30 | 00 | Ziricon phế liệu và mảnh vụn | |
| 13 | 811 0 | 20 | 00 | Antimon phế liệu và mảnh vụn | |
| 14 | 811 1 | 00 | 10 | Mangan phế liệu và mảnh vụn | |
| 15 | 811 2 | 22 | | Crom phế liệu và mảnh vụn | |
| 16 | 700 1 | 00 | 00 | Thủy tinh vụn, thủy tinh phế liệu, mảnh vụn thủy tinh | Trừ thủy tinh từ bóng đèn hình máy thu hình, bóng đèn hình máy tính, bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính khác. |
| 17 | 470 7 | | | Giấy loại hoặc các tông loại (phế liệu và vụn thừa) | a. Giấy lẻ, các tông dạng mảnh vụn chưa qua sử dụng; b. Giấy, các tông được lựa chọn, thu hồi từ sản phẩm đã qua sử dụng hoặc phế phẩm chưa qua sử dụng. |

| | | | | | |
|----|----------|----|----|--|--|
| 18 | 391 5 | | | Phế liệu và mẫu vụn của plastic (nhựa) | <p>a. Plastic (nhựa) ở dạng khối, cục, thanh, ống, tấm, sợi, mảnh được loại ra từ quá trình sản xuất, chưa qua sử dụng;</p> <p>b. Các loại bao bì bằng nhựa đựng nước khoáng, nước tinh khiết đã qua sử dụng (nếu bao bì bằng nhựa đựng các loại nước giải khát khác thì phải theo Mục c dưới đây);</p> <p>c. Mẫu vụn bằng nhựa PE (Polyethylene), PET (Poly Ethylene Terephthalate), PS (Poly Styrene), PC (Poly Carbonate) hoặc PP (Poly Propylene) được băm, cắt từ các sản phẩm bằng nhựa PE, PET, PS, PC hoặc PP (kích thước mỗi chiều của mẫu vụn không quá 5 cm) và đã được xử lý đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường.</p> |
| 19 | 252 0 | 10 | 00 | Thạch cao | <p>a. Thạch cao tổng hợp (hay Thạch cao FGD- flue gas desulphurization), được tinh chế sơ bộ từ canxi sunphát thu được từ quá trình khử lưu huỳnh trong khí thải sau khi đốt nhiên liệu hoá thạch;</p> <p>b. Không chứa các chất độc hại (chất phóng xạ, kim loại nặng, chất thải nguy hại,...) vượt quá giới hạn nguy hại theo tiêu chuẩn Việt Nam.</p> |
| 20 | 261 8 | 00 | 00 | Xỉ hạt nhỏ (xỉ cát) từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép | <p>a. Xỉ hạt được chế biến từ xỉ lò cao luyện gang, sắt, thép;</p> <p>b. Không chứa các chất độc hại (chất phóng xạ, kim loại nặng, chất thải nguy hại,...) vượt quá giới hạn nguy hại theo tiêu chuẩn Việt Nam.</p> |